

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 247/TTr-SNN&PTNT ngày 19/8/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025 (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND*) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu, phạm vi, đối tượng
  - a) Mục tiêu sắp xếp, ổn định dân cư thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND.
  - b) Phạm vi điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND.
  - c) Đối tượng áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND.

2. Nguyên tắc thực hiện, điều kiện hỗ trợ và các trường hợp không được hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND.

Điều kiện chuyển tiếp: Trường hợp hộ sắp xếp, ổn định dân cư được UBND huyện phê duyệt và đã thực hiện di chuyển nhà ở trước ngày 01/01/2021 theo quy định tại Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017, Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 28/9/2018 của HĐND tỉnh thì tiếp tục thực hiện hỗ trợ đối với các nội dung còn lại theo nội dung đã được phê duyệt.

### 3. Giải thích từ ngữ và tiêu chí lựa chọn hộ sắp xếp, ổn định dân cư

3.1. Hộ gia đình tham gia sắp xếp, ổn định dân cư theo quy định tại Quyết định này (*sau đây gọi chung là hộ gia đình*) là những người cùng đăng ký thường trú tại một chỗ ở (nhà ở) hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình theo quy định của pháp luật về cư trú.

3.2. Vùng thiên tai (theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14) là vùng có hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác (**Lưu ý:** trong Quyết định này chỉ thực hiện hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư đối với: Hộ gia đình mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, lũ quét, lũ ống, sụt lún đất; hộ gia đình sống ở vùng có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, lũ ống, ngập lũ nguy hiểm).

3.3. Khu vực bảo vệ của rừng đặc dụng (theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Lâm nghiệp năm 2017): Rừng đặc dụng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh kết hợp du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí (không bao gồm phân khu bảo vệ nghiêm ngặt); cung ứng dịch vụ môi trường rừng, bao gồm: Vườn quốc gia; khu dự trữ thiên nhiên; khu bảo tồn loài - sinh cảnh; khu vực bảo vệ cảnh quan (bao gồm: rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; rừng tín ngưỡng; rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao); khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học; vườn thực vật quốc gia, rừng giống quốc gia.

3.4. Khu vực bảo vệ của rừng phòng hộ (theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật Lâm nghiệp năm 2017): Rừng phòng hộ được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, lũ quét, lũ ống, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

3.5. Hộ gia đình sống phân tán: Hộ gia đình sống đơn lẻ, cách xa các hộ gia đình khác (trong vòng bán kính khoảng 01 km).

3.6. Khu vực xa xôi, hẻo lánh: Khu vực cách xa trung tâm xã; không có đường để xe ô tô, xe máy đi đến được.

3.7. Khu vực không có điều kiện để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu: Khu vực chưa có hoặc thiếu từ 5/9 loại công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu trở lên (gồm: đường giao thông, nước sinh hoạt, hệ thống điện, trường học, trạm y tế, thủy lợi nhỏ, nhà văn hoá, chợ, trạm truyền thanh) nhưng nếu đầu tư xây dựng thì nguồn vốn đầu tư quá lớn, không hiệu quả.

3.8. Khu vực không đảm bảo điều kiện phát triển sản xuất, ổn định đời sống là khu vực không đảm bảo một trong hai tiêu chí sau:

- Thiếu đất sản xuất: diện tích đất sản xuất nông nghiệp của một hộ thấp hơn 1,5 ha đối với đất nương rẫy hoặc 0,25 ha đối với lúa nước 01 vụ hoặc 0,15 ha đối với lúa nước 02 vụ;

- Thiếu nước sản xuất: năng lực tưới chỉ đáp ứng được dưới 50% diện tích đất canh tác cần tưới của các hộ trong vùng hoặc chưa có hệ thống thủy lợi.

3.9. Bố trí dân cư xen ghép là di chuyển hộ gia đình đến xen cư vào các khu dân cư hiện có, kể cả mở rộng khu dân cư hiện có (số hộ tăng thêm dưới 25 hộ).

3.10. Bố trí dân cư tập trung là di chuyển hộ gia đình đến khu tái định cư tập trung thành lập khu dân cư mới (phải đảm bảo tối thiểu 25 hộ).

3.11. Hộ di dời chính trang tại chỗ: Hộ di dời nhà ở của mình trong phạm vi mảnh đất đang ở để chia sẻ đất ở (gồm: tặng, cho hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất) cho hộ gia đình là đối tượng di dời chỗ ở đến ở. Hộ di dời chính trang tại chỗ được hưởng chính sách hỗ trợ khi đủ hai điều kiện sau:

- Tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà ở để chia sẻ đất ở cho hộ gia đình là đối tượng di dời chỗ ở đến ở.

- Chia sẻ đất ở cho hộ gia đình là đối tượng di dời chỗ ở đến ở, diện tích đất chia sẻ tối thiểu đủ để bố trí đất ở cho một hộ là đối tượng sắp xếp dân cư (150 m<sup>2</sup>).

#### 4. Trình tự lập và phê duyệt danh sách hộ gia đình sắp xếp, ổn định dân cư

4.1. Căn cứ các quy định tại Quyết định này, Trưởng thôn chủ trì tổ chức họp các hộ dân trong thôn (phải có tối thiểu 2/3 đại diện số hộ dân trong thôn đó tham dự), có sự tham gia của đại diện UBND xã để phổ biến chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư theo Quyết định này đến người dân; hướng dẫn các chủ hộ làm đơn tự nguyện tham gia sắp xếp dân cư theo Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Quyết định này; tổ chức bình xét công khai và lập biên bản họp bình xét, lập danh sách hộ được xét chọn hưởng chính sách hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Quyết định này gửi UBND cấp xã.

4.2. UBND cấp xã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp dân cư cấp xã, gồm: Đại diện chính quyền cấp xã (Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã, cán bộ Địa chính - Xây dựng, cán bộ, công chức các ngành có liên quan), Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐND cấp xã, đại diện UBMTTQVN xã, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

a) Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp dân cư cấp xã tổ chức kiểm tra hiện trường, hiện trạng nhà ở của các hộ trong danh sách xét chọn, kiểm tra quá trình bình xét tại các thôn cùng với đại diện thôn (Trưởng thôn hoặc Phó Trưởng thôn và Bí thư hoặc Phó Bí thư Chi bộ), lập biên bản kiểm tra tính xác thực, đúng đắn về đối tượng hộ được xét chọn hưởng chính sách hỗ trợ sắp xếp dân cư và đảm bảo không trùng lặp hoặc bỏ sót đối tượng.

b) Sau khi kiểm tra, UBND cấp xã lập danh sách đối tượng hộ được hưởng chính sách hỗ trợ sắp xếp dân cư trên địa bàn theo thứ tự ưu tiên (danh sách, số lượng, nguồn kinh phí dự kiến) theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Quyết định này, niêm yết tại trụ sở UBND xã tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi gửi UBND cấp huyện; sau đó gửi văn bản đề nghị hỗ trợ sắp xếp dân cư kèm theo Đơn đề nghị hỗ

trợ sắp xếp dân cư của hộ dân và danh sách hộ dân được xét chọn hưởng chính sách đến UBND cấp huyện.

4.3. UBND cấp huyện căn cứ văn bản đề nghị của UBND cấp xã, chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng và các Phòng, Ban có liên quan khác rà soát, kiểm tra, tổng hợp danh sách đối tượng hộ được hưởng chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư.

a) Ban hành quyết định phê duyệt danh sách các hộ gia đình được hưởng chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư theo thứ tự ưu tiên làm cơ sở để tổ chức thực hiện. Nội dung quyết định phải nêu rõ số lượng hộ, mức kinh phí hỗ trợ, nguồn vốn hỗ trợ, trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong tổ chức thực hiện và kèm theo danh sách hộ được phê duyệt.

b) Tổng hợp nhu cầu sắp xếp dân cư trên địa bàn, xây dựng kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách và có văn bản đề nghị hỗ trợ sắp xếp dân cư, trong đó nêu rõ số lượng hộ đề nghị được hưởng chính sách, nguồn kinh phí cần hỗ trợ theo từng nội dung theo Mẫu số 04, 05 (kế hoạch 5 năm), Mẫu số 06 (kế hoạch hàng năm) Phụ lục kèm theo Quyết định này (kèm theo quyết định phê duyệt danh sách các hộ hưởng chính sách sắp xếp dân cư), gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh để phối hợp kiểm tra, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định bố trí vốn hỗ trợ.

Riêng đối với năm 2021, được triển khai đồng thời trong năm kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 09/12/2020.

4.4. Thứ tự ưu tiên trong thực hiện hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư như sau:

- a) Hộ gia đình mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, lũ quét, lũ ống, sụt lún đất.
- b) Hộ gia đình sống ở vùng có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, lũ ống, ngập lũ nguy hiểm; trong đó, hộ nguy cơ cao hơn được xếp ưu tiên thực hiện trước.
- c) Hộ gia đình sống trong các khu vực bảo vệ của rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.
- d) Hộ gia đình ở vùng đặc biệt khó khăn, gồm: Hộ gia đình sống phân tán; sống ở các khu vực xa xôi, hẻo lánh không có điều kiện để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, không đảm bảo điều kiện phát triển sản xuất, ổn định đời sống.

4.5. Thời gian thực hiện:

a) Năm 2021, các địa phương tổ chức lập, phê duyệt danh sách hộ sắp xếp, ổn định dân cư cho cả giai đoạn 2021-2025; tổng hợp danh sách hộ và gửi các Sở, Ban, ngành theo quy định tại tiết b, điểm 4.3, khoản 4 Điều này **trước ngày 05/12/2021**.

b) Hằng năm, tùy theo tình hình thực tế, các địa phương có thể tiến hành rà soát, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh sách hộ sắp xếp, ổn định dân cư cho phù hợp. Tổng hợp danh sách hộ điều chỉnh, bổ sung và gửi các Sở, Ban, ngành theo quy định tại tiết b, điểm 4.3, khoản 4 Điều này **trước ngày 30/6** (nếu có).

## 5. Lập phương án sắp xếp, ổn định dân cư (thực hiện hằng năm)

### 5.1. Yêu cầu chung:

a) Địa bàn bố trí dân cư phải phù hợp với nội dung quy hoạch các khu dân cư trong đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới và quy hoạch khác trên địa bàn.

b) Đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm 5.2 khoản 5 Điều này.

c) Phạm vi của phương án sắp xếp, ổn định dân cư thuộc địa bàn một xã.

### 5.2. Nội dung chủ yếu của phương án sắp xếp, ổn định dân cư

a) Sự cần thiết phải sắp xếp, ổn định dân cư.

b) Đánh giá thực trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa bàn dự kiến tiếp nhận hộ dân; tình hình dân cư, quỹ đất, kết cấu hạ tầng ở khu vực tiếp nhận hộ dân.

c) Đề xuất mục tiêu về sắp xếp, ổn định dân cư, bổ sung hoàn thiện kết cấu hạ tầng (nếu có), phát triển sản xuất và ổn định đời sống người dân.

d) Phương án bố trí dân cư:

- Danh sách hộ sắp xếp, ổn định dân cư xếp theo thứ tự ưu tiên có phân theo đối tượng: Vùng thiên tai; khu vực bảo vệ của rừng đặc dụng, phòng hộ; vùng đặc biệt khó khăn.

- Địa danh (tổ, thôn) tiếp nhận hộ dân.

- Tiến độ thực hiện.

e) Phương án bố trí đất ở, đất sản xuất cho hộ di dời, sắp xếp dân cư

- Khai hoang, phục hóa diện tích đất chưa sử dụng;

- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ sở tại và hộ di dời, sắp xếp dân cư theo quy định của pháp luật;

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

f) Phương án xây dựng mới hoặc nâng cấp kết cấu hạ tầng do bổ sung thêm các hộ dân mới đến.

g) Các giải pháp tổ chức thực hiện.

h) Khái toán tổng kinh phí hỗ trợ theo nguồn vốn và tiến độ thực hiện.

### 5.3. Lập và phê duyệt phương án sắp xếp, ổn định dân cư

a) UBND xã có trách nhiệm lập phương án sắp xếp, ổn định dân cư trên địa bàn và trình UBND huyện phê duyệt.

Hồ sơ trình phê duyệt bao gồm: Tờ trình, báo cáo thuyết minh phương án sắp xếp, ổn định dân cư và các phụ lục kèm theo (như nội dung quy định tại điểm 5.2 khoản 5 Điều này).

c) UBND cấp huyện căn cứ văn bản đề nghị của UBND cấp xã, chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các phòng: Kinh tế - Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch và các Phòng, Ban khác có liên quan tổ chức kiểm tra, thẩm định phương án;

Ban hành quyết định phê duyệt phương án sắp xếp, ổn định dân cư **trước ngày 15/3 hằng năm** để làm cơ sở cho UBND xã tổ chức thực hiện.

## 6. Nội dung và định mức hỗ trợ

### 6.1. Hỗ trợ hộ gia đình di dời chỗ ở

a) Bố trí đất ở theo quy hoạch khu dân cư mới hoặc xen ghép vào khu dân cư đã có với diện tích tối thiểu 150m<sup>2</sup>/hộ để hộ xây dựng nhà ở mới.

b) Hỗ trợ di chuyển nhà: Mức hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ để hộ tháo dỡ, di chuyển, xây dựng lại nhà ở tại nơi ở mới.

c) Hỗ trợ san lấp nền nhà: Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/nền nhà/hộ để hộ đào đắp, san gạt tạo mặt bằng làm nhà tại nơi ở mới.

d) Hỗ trợ nước sinh hoạt: Mức hỗ trợ 1,5 triệu đồng/hộ để hộ mua vật tư phục vụ cho việc dẫn nước, trữ nước; xây dựng bể chứa nước; đào giếng; xây dựng công trình sử dụng nước chung cho nhóm hộ.

e) Hỗ trợ đường dây điện đấu nối đến từng hộ (phần sau công tơ): Chiều dài tối đa 100m/hộ và không quá 3,5 triệu đồng/hộ. Kinh phí hỗ trợ theo khối lượng thực tế đã thực hiện (tính theo tỷ lệ chiều dài đường dây và thiết bị lắp đặt).

f) Hỗ trợ làm đường dân sinh bê tông xi măng: Hỗ trợ tối đa 100m/hộ và không quá 10 triệu đồng/hộ. Đối với các hộ có đường nhỏ hơn 100m thì hỗ trợ theo tỷ lệ chiều dài thực tế xây dựng (chiều dài/100m\*10 triệu đồng).

g) Khai hoang tạo quỹ đất hoặc chuyển nhượng đất sản xuất cho các hộ chưa có đất sản xuất hoặc thiếu đất sản xuất theo định mức: Tối đa 15 triệu đồng/hộ. Kinh phí hỗ trợ theo diện tích thực tế hộ đã khai hoang hoặc nhận chuyển nhượng.

Định mức hỗ trợ theo diện tích, loại đất sản xuất do hộ khai hoang hoặc nhận chuyển nhượng như sau:

- Đất trồng lúa nương, đất trồng cây lâu năm: 15 triệu đồng/1,0 ha;

- Đất trồng lúa nước còn lại (đất trồng lúa nước 01 vụ), đất chuyên trồng lúa nước (đất trồng lúa nước 02 vụ): 15 triệu đồng/0,1ha.

h) Hỗ trợ vật liệu làm nhà tại nơi ở mới: Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ để mua vật liệu xây dựng nhà ở mới.

i) Hỗ trợ công trình vệ sinh (nhà vệ sinh): Mức hỗ trợ 5 triệu/hộ để hộ xây dựng công trình vệ sinh tại nơi ở mới.

### 6.2. Hỗ trợ hộ gia đình chỉnh trang tại chỗ

a) Hỗ trợ di chuyển nhà: Mức hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ để hộ tháo dỡ, di chuyển, xây dựng lại nhà ở mới.

b) Hỗ trợ vật liệu làm nhà: Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ để hộ mua vật liệu xây dựng nhà ở mới.

c) Hỗ trợ công trình vệ sinh (nhà vệ sinh): Mức hỗ trợ 5 triệu/hộ để hộ xây dựng công trình vệ sinh.

6.3. Ngoài định mức hỗ trợ quy định tại Điều này, căn cứ tình hình thực tế, chính quyền địa phương cấp huyện có thể hỗ trợ tăng thêm cho các hộ gia đình từ việc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

## 7. Phương thức thực hiện

### 7.1. Yêu cầu chung

a) Về đất ở: Hộ sắp xếp dân cư sau khi nhận đất phải làm nhà ở mới trên đất ở được giao (thời gian khởi công làm nhà ở chậm nhất không quá 03 tháng kể từ ngày được giao đất; nếu quá 03 tháng mà không thực hiện, UBND huyện xem xét từng trường hợp cụ thể để thu hồi), không được chuyển nhượng, cho tặng quyền sử dụng đất trong vòng 10 năm kể từ ngày được giao đất; đất ở tại nơi cũ không được tiếp tục sử dụng vào mục đích làm đất ở và phải lập hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng sang loại đất khác theo quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

b) Về san lấp nền nhà: Diện tích nền nhà san lấp tối thiểu là 60 m<sup>2</sup>/nền/hộ, nền đất phải đảm bảo ổn định, không sụt lún, sạt lở. Trường hợp Nhà nước đã đầu tư san nền tại các điểm sắp xếp dân cư tập trung thì không thực hiện nội dung hỗ trợ này.

c) Về di chuyển nhà: Hộ sắp xếp dân cư phải tháo dỡ nhà ở cũ, không được giữ lại để tiếp tục làm nơi cư trú.

d) Về xây dựng nhà tại nơi ở mới: Nhà ở mới phải đảm bảo tiêu chuẩn 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng và mái cứng), diện tích tối thiểu 30 m<sup>2</sup> (riêng hộ độc thân diện tích tối thiểu là 24 m<sup>2</sup>), có tuổi thọ từ 10 năm trở lên.

e) Về cấp nước sinh hoạt: Vật dụng dẫn nước, trữ nước; bể chứa nước; giếng nước; xây dựng công trình sử dụng nước chung cho nhóm hộ, do các hộ trong nhóm tự nguyện thực hiện,... đều phải đảm bảo chất lượng và duy trì đủ nước sinh hoạt ổn định, lâu dài.

f) Về đường dây điện đầu nối đến từng hộ (phần sau công tơ): tính từ trụ hạ thế đến nhà của hộ dân, có chiều dài đường dây tối đa 100m; đảm bảo an toàn, theo thiết kế mẫu được phê duyệt.

g) Về đường dân sinh bằng bê tông xi măng: tính từ trục đường chính của khu dân cư đến nhà của hộ dân; kết cấu, quy mô đường dân sinh tiếp tục áp dụng theo Thiết kế mẫu mặt đường bê tông dân sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 09/8/2017.

h) Về đất sản xuất: đảm bảo yêu cầu sản xuất nông nghiệp lâu dài, gồm: đất trồng lúa nương, trồng lúa nước 01 vụ, trồng lúa nước 02 vụ và đất trồng cây lâu năm. Đất sản xuất cách nơi ở mới không quá 03km. Hộ được hỗ trợ không được chuyển nhượng, cho tặng quyền sử dụng đất trong vòng 10 năm kể từ ngày được hỗ trợ.

i) Về công trình vệ sinh (nhà vệ sinh): Công trình vệ sinh có hầm tự hoại; nhà vệ sinh đảm bảo kín đáo, chắc chắn.

### 7.2. Yêu cầu về tổ chức thực hiện

a) UBND huyện chịu trách nhiệm cân đối quỹ đất tại địa phương để bố trí đất ở theo quy hoạch khu dân cư mới hoặc xen ghép vào khu dân cư đã có cho đối

tượng hộ được hưởng chính sách sắp xếp dân cư với diện tích tối thiểu 150 m<sup>2</sup>/hộ và lập hồ sơ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ theo quy định.

Trường hợp đất ở bố trí theo quy hoạch khu dân cư mới thì mỗi khu dân cư phải có tối thiểu 25 hộ; phải tổ chức đánh giá tác động môi trường, đánh giá sự an toàn của khu dân cư trước thiên tai như: sạt lở đất, lũ quét, lũ ống, ngập lũ nguy hiểm,...

b) Căn cứ phương án được UBND huyện phê duyệt, UBND xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện. Các hộ gia đình sau khi nhận tạm ứng 50% mức hỗ trợ theo quy định thì tự tổ chức thực hiện các nội dung được hỗ trợ (trừ trường hợp hộ thống nhất ủy quyền bằng văn bản cho chính quyền địa phương tổ chức thực hiện theo nhóm hộ).

c) UBND cấp xã có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giúp đỡ các hộ trong quá trình thực hiện các nội dung hỗ trợ; vận động các tổ chức, đoàn thể tại địa phương giúp đỡ các hộ gia đình, tận dụng tối đa khả năng huy động nguồn lực từ cộng đồng và hộ gia đình về nhân công, khai thác vật liệu hợp pháp tại chỗ để giảm giá thành.

d) UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu đối với từng nội dung nhà nước hỗ trợ khi hộ đã thực hiện hoàn thành. Thành phần nghiệm thu gồm: Đại diện UBND cấp xã; các tổ chức chính trị - xã hội địa phương; Trưởng thôn hoặc Phó Trưởng thôn và đại diện hộ gia đình thực hiện. Việc nghiệm thu phải được xác lập bằng Biên bản theo Mẫu số 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 16 Phụ lục kèm theo Quyết định này.

e) Quản lý, cấp phát, thanh quyết toán nguồn vốn: Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

8. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh quản lý công tác sắp xếp, ổn định dân cư theo Quyết định này.

- Chủ trì tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư theo Quyết định này (*sau đây gọi tắt là cơ chế, chính sách*).

- Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ san lấp nền nhà, di chuyển nhà, nước sinh hoạt và đất sản xuất.

- Phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ hàng năm cho các địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo UBND tỉnh về tình hình, tiến độ thực hiện cơ chế, chính sách.



- Đôn đốc, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phối hợp với các địa phương lồng ghép nguồn vốn để thực hiện cơ chế, chính sách.

## 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT cân đối ngân sách, xây dựng kế hoạch (trung hạn, hàng năm) bảo đảm kinh phí hàng năm trình UBND tỉnh để giao dự toán ngân sách cho các địa phương.

- Làm việc với các Bộ, ngành Trung ương đề nghị bổ sung nguồn kinh phí hỗ trợ, đầu tư cho các huyện miền núi, đặc biệt trong thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

## 3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối dự toán ngân sách tỉnh hàng năm, đảm bảo nguồn ngân sách tỉnh để bố trí kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách.

- Hướng dẫn các địa phương về quản lý, cấp phát, thanh quyết toán nguồn vốn sắp xếp, ổn định dân cư (ban hành văn bản hướng dẫn **trước ngày 15/9/2021**).

## 4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện, tham mưu UBND tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến nội dung như: giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho các hộ sắp xếp, ổn định dân cư.

## 5. Sở Công Thương

Tham mưu UBND tỉnh ban hành thiết kế mẫu về đường dây điện đầu nối đến từng hộ (phần sau công tơ) quy định tại điểm 7.5, khoản 7, Điều 1 Quyết định này (trình UBND tỉnh **trước ngày 15/9/2021**). Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện và tham mưu UBND tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến nội dung hỗ trợ điện sinh hoạt.

## 6. Sở Giao thông vận tải

Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện và tham mưu UBND tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến nội dung hỗ trợ đường dân sinh.

## 7. Sở Xây dựng

Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện và tham mưu UBND tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến nội dung hỗ trợ vật liệu làm nhà ở và xây dựng công trình vệ sinh.

## 8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, cơ chế chính sách thoát nghèo bền vững; phối hợp với các địa phương lồng ghép nguồn vốn để thực hiện cơ chế, chính sách.

## 9. Sở Thông tin và Truyền thông

Tổ chức tuyên truyền việc thực hiện nội dung cơ chế, chính sách cũng như các cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội miền núi.

## 10. Ban Dân tộc tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách; định kỳ có báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan, tham mưu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

## 11. Đề nghị UBMTTQVN tỉnh và các Hội, đoàn thể

- Phối hợp với các ngành và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức, phổ biến các cơ chế, chính sách liên quan đến người dân. Đồng thời thực hiện kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện cơ chế, chính sách đảm bảo đúng đối tượng và hiệu quả.

- Chỉ đạo MTTQ, các Hội, đoàn thể cấp huyện, cấp xã phối hợp, giám sát trong công tác triển khai thực hiện cơ chế, chính sách đảm bảo phát huy sức mạnh tổng hợp ở cơ sở.

## 12. UBND cấp huyện

- Chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trước UBND tỉnh về công tác tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách trên địa bàn huyện. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện cơ chế, chính sách trên địa bàn đảm bảo công khai, minh bạch.

- Căn cứ các quy định tại Quyết định này phê duyệt danh sách hộ được hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được giao hàng năm, phân bổ dự toán cho cấp xã; phê duyệt phương án tổ chức thực hiện của cấp xã để triển khai thực hiện.

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch sắp xếp, ổn định dân cư trên địa bàn huyện cụ thể cho cả giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch thực hiện hàng năm. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng chức năng của huyện và chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định. Tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tổ chức triển khai thực hiện của UBND cấp xã, thôn.

- Chủ động lồng ghép các nguồn vốn để triển khai thực hiện; đồng thời, tăng cường kêu gọi các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm quan tâm hỗ trợ nguồn vốn ngoài ngân sách để triển khai thực hiện đảm bảo các mục tiêu đề ra.

- Phối hợp với cơ quan Mặt trận, các Hội, đoàn thể tại địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách đến người dân để các hộ dân hiểu và tự nguyện đăng ký tham gia đúng đối tượng và hiệu quả.

- Định kỳ 6 tháng, hằng năm, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cơ chế, chính sách của năm kế hoạch (chỉ tiêu, nguồn vốn và kết quả thực hiện) và dự kiến kế hoạch thực hiện năm sau gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

## 13. UBND cấp xã

- Xây dựng phương án sắp xếp, ổn định dân cư hằng năm trên địa bàn, trình UBND huyện phê duyệt để thực hiện.

- Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư trên địa bàn đảm bảo đúng đối tượng và nội dung hỗ trợ.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách đến người dân để các hộ dân hiểu và tự nguyện đăng ký tham gia đúng đối tượng và đạt hiệu quả.

- Phối hợp với cơ quan Mặt trận, các Hội, đoàn thể tại địa phương tuyên truyền, vận động, giúp đỡ các hộ gia đình trong quá trình thực hiện các nội dung hỗ trợ nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp ở cơ sở.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin - Truyền thông; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện miền núi, và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Huyện uỷ, HĐND 9 huyện miền núi;
- Chi cục PTNT;
- CPVP;
- Lưu VT, TH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Năm 2021\Quyết định\08 20 triển khai Nghị quyết 23 về sắp xếp dân cư miền núi.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Quang Bửu**